**GIẢI THÍCH BIỂU MẪU SỐ 13a/BTP/HTQTCT/HT**

**Kết quả đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn tại Ủy ban nhân dân cấp xã**

**1. Nội dung**

\*. Phản ánh tình hình đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã/ phường/thị trấn.

\*. Giải thích thuật ngữ:

- Khai sinh tại UBND cấp xã: là số trường hợp sinh được đăng ký khai sinh tại UBND xã, phường, thị trấn.

- Khai tử tại UBND cấp xã: là số trường hợp chết được đăng ký khai tử tại UBND xã, phường, thị trấn.

- Kết hôn lần đầu: Là số cặp kết hôn mà cả hai bên nam, nữ đều đăng ký kết hôn lần đầu tiên. Các trường hợp khác (một trong hai bên nam, nữ kết hôn không phải là lần đầu tiên thì coi là “Kết hôn lần thứ hai trở lên”.

- Tuổi kết hôn trung bình lần đầu: Là độ tuổi trung bình của nam, nữ tính theo tất cả các cặp kết hôn lần đầu.

- Đăng ký lại việc sinh, tử, kết hôn: Là việc khai sinh, khai tử, kết hôn đã được đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam trước ngày 01/01/2016 nhưng Sổ hộ tịch và bản chính giấy tờ hộ tịch đều bị mất thì được đăng ký lại.

- Đăng ký đúng hạn: là trường hợp đăng ký sự kiện hộ tịch trong thời hạn theo quy định của pháp luật (trong vòng 60 ngày kể từ ngày sinh đối với đăng ký khai sinh; trong vòng 15 ngày kể từ ngày chết đối với đăng ký khai tử) (khoản 1 Điều 15, khoản 1 Điều 33 Luật Hộ tịch)

- Đăng ký quá hạn: là trường hợp đăng ký sự kiện hộ tịch sau thời hạn quy định của pháp luật (sau 60 ngày kể từ ngày sinh đối với đăng ký khai sinh; sau 15 ngày kể từ ngày chết đối với đăng ký khai tử)

- Số trẻ em được sinh trong năm báo cáo (đối với đăng ký quá hạn): Là số trường hợp mà trẻ em được đăng ký khai sinh có ngày sinh từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 của năm báo cáo nhưng thuộc diện đăng ký khai sinh quá hạn theo quy định của pháp luật hộ tịch.

- Việc thống kê về đăng ký khai sinh theo các cột (8) và (9) là nhằm thực hiện tổng hợp số liệu theo hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia quy định tại Luật thống kê năm 2015.

- Thống kê về đăng ký khai tử theo các cột (12), (13) và (14) là nhằm thực hiện tổng hợp số liệu theo hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia quy định tại Luật Thống kê 2015 và theo tuyên bố chung của Bộ trưởng các nước Châu Á Thái Bình Dương về đăng ký và thống kê hộ tịch.

- Thống kê về đăng ký kết hôn tại các cột (19), (20) và (21) là nhằm thực hiện tổng hợp số liệu theo hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia quy định tại Luật thống kê năm 2015.

**2. Phương pháp tính và cách ghi biểu**

- Cột 1 = Cột (2+3) = Cột (4+5)= Cột (6+7)

- Cột 11 = Cột (12+13+14) = Cột (15+16).

- Cột 19 (Số cuộc kết hôn lần đầu) Đếm trực tiếp số lượng cặp kết hôn lần đầu trong Sổ đăng ký kết hôn và điền số liệu vào ô tương ứng trong biểu báo cáo thống kê.

- Cột 20, 21 (Tuổi kết hôn trung bình lần đầu) được tính theo công thức sau:

+ Cột 20: công thức tính tuổi kết hôn trung bình lần đầu theo giới tính nam

Ví dụ: Trong 6 tháng đầu năm, số cặp đăng ký kết hôn lần đầu của xã A là 10 cặp, trong đó 10 người nam được xác định lần lượt ở các tuổi: 20, 21, 25, 26, 27, 30, 32, 33, 35, 40; thì cách tính tuổi kết hôn trung bình lần đầu của nam tại UBND xã A trong 6 tháng đầu năm như sau:

+ Cột 21: công thức tính tuổi kết hôn trung bình lần đầu theo giới tính nữ cũng tương tự công thức tính của cột 20 (chỉ thay từ “nam” bằng từ “nữ”).

Không tính tuổi kết hôn trung bình theo cặp.

Tuổi kết hôn trung bình lần đầu được lấy đến 01 số thập phân, từ số thập phân thứ hai được làm tròn vào số thập phân thứ nhất theo nguyên tắc phần số thập phân từ 0,05 trở lên thì số thập phân thứ nhất được làm tròn lên; nếu phần số thập phân nhỏ hơn 0,05 thì giữ nguyên như số thập phân thứ nhất.

Ví dụ: Nếu là 26,56 tuổi thì làm tròn lên là 26,6 tuổi. Nếu là 26,34 thì làm tròn là 26,3 tuổi.

***\* Chú ý:***

- Cột 1, cột 11, cột 18 (Tổng số) là số trường hợp sự kiện hộ tịch (sinh, tử, kết hôn) mới phát sinh được đăng ký trong kỳ báo cáo, không bao gồm đăng ký lại.

Vì vậy cột 10, cột 17, cột 22 (Đăng ký lại) là số liệu độc lập, nằm ngoài số liệu của các cột Tổng số.

**3. Nguồn số liệu**

Từ sổ sách ghi chép ban đầu về việc đăng ký khai sinh, khai tử, kết hôn tại UBND cấp xã